

Bản tin chứng khoán

Trong số này

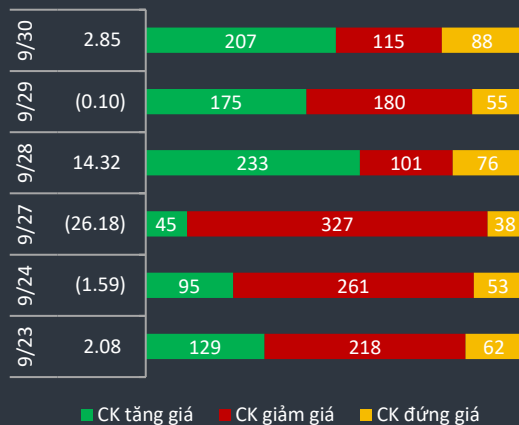
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thanh khoản tiếp tục sụt giảm mạnh chỉ còn khoảng 15 ngàn tỷ trong phiên giao dịch hôm nay bất chấp thị trường duy trì sắc xanh nhẹ và tích cực hầu hết thời gian giao dịch. Độ rộng thị trường luôn nghiêng về phía xanh với trên 220 mã xanh so với 140 mã giảm và chỉ số Vnindex luôn tạo nền tăng từ 2 đến 5 điểm.

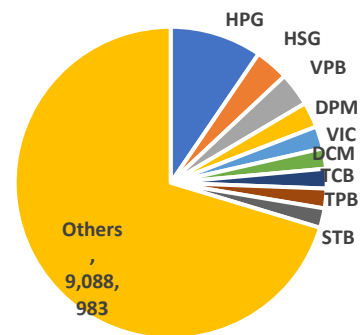
Hầu hết các nhóm ngành trong ngày đều diễn biến tích cực dù giao dịch có phần chùng xuống. Phân bón, bán lẻ, vận tải tiếp tục bức phá mạnh nhờ thông tin dự báo kết quả kinh doanh khả quan Q3. DCM có phiên tăng trần thứ hai trong khi DPM tăng thêm 3.8%, BFC 3.9%, LAS 2.3%. Nhóm cổ phiếu bán lẻ nổi bật nhất ở FRT tạo đỉnh mới 47.55 tăng 4.7%, DGW cũng vượt đỉnh 118.7 tăng gần 5%. Duy nhất MWG nằm tham chiếu do thiếu lực cầu đẩy mạnh. Tuy nhiên về ngắn hạn hai nhóm ngành phân bón và bán lẻ vẫn là hai nhóm ngành dự báo nhiều khả quan nhất đặc biệt là lĩnh vực bán lẻ sau khi khu vực TPHCM và phía nam nói lỏng giãn cách trở lại.

Các nhóm ngành bảo hiểm, ngân hàng cao su yếu nhất trong ngày. Riêng ngân hàng tiếp tục phân hóa với SHB, ABB, BVB, ACB xanh nhẹ từ 1% - 2% và nhóm giảm nhiều nhất nằm ở top ngân hàng lớn như VCB, BID, VIB, MSB với mức giảm dưới -2%. OCB trong ngày bức phá khá tốt đầu tiên trước khi hạ nhiệt về 23.9 giữ giá xanh 0.4%. Thanh khoản của OCB có sự cải thiện hơn hôm qua với hơn 2.3 triệu cổ phiếu giao dịch.

Theo một kết quả cuộc điều tra xu hướng kinh doanh quý IV của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) với toàn bộ các tổ chức tín dụng (TCTD) và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong quý III, nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tổng thể của khách hàng ở mức "thấp" và "giảm" so với quý trước, trong đó, nhu cầu gửi tiền giảm mạnh. Theo Phó Thống đốc NHNN, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống ngân hàng nếu tính cả khoản nợ đã bán cho VAMC nhưng chưa xử lý được và nợ xấu tiềm ẩn, năm 2016 tỷ lệ nợ xấu là 10,58%, năm 2017 là 7,36%, năm 2018 là 5,85%, năm 2019 là 4,43% và năm 2020 là 3,81%. NHNN đã lên kịch bản về tỷ lệ nợ xấu nội bảng và nợ xấu tiềm ẩn cuối năm nay dự kiến sẽ ở mức 7,1% - 7,7%, xấp xỉ 8%.

Vnindex 1,342.06

▲ +2.85 (+0.21%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PNJ	98.7	5,400	5.79
VRE	29.1	800	2.83
HVN	25.0	500	2.04
DHG	99.9	1,500	1.52
VIC	88.0	1,300	1.50
SSI	40.7	550	1.37
MSN	142.6	1,600	1.13
PDR	81.8	600	0.74
BVH	58.4	400	0.69
ACB	31.6	200	0.64
TPB	41.6	200	0.48
BCM	44.6	200	0.45
TCB	49.6	200	0.40
GAS	97.0	200	0.21
MBB	27.9	50	0.18
REE	65.2	100	0.15
VHM	78.3	100	0.13
MWG	127.8	-	-
VNM	89.6	-	-
HDB	25.4	-	-
NVL	102.0	-	-
CTG	30.4	-	-
VPB	65.9	(100)	(0.15)
FPT	93.0	(200)	(0.21)
SAB	156.4	(400)	(0.26)
GVR	35.9	(100)	(0.28)
STB	25.7	(100)	(0.39)
POW	12.0	(50)	(0.42)
VJC	127.9	(600)	(0.47)
HPG	52.9	(400)	(0.75)
PLX	51.6	(400)	(0.77)
BID	39.5	(450)	(1.13)
VCB	97.2	(1,300)	(1.32)
VIB	35.4	(600)	(1.67)

Thị trường đóng cửa xanh nhẹ 2.8 điểm và vượt lên trên mốc 1342. Việc thanh khoản giảm sút không quá đáng lo ngại do một phần nhà đầu tư chưa tìm thấy cơ hội chắc chắn để xuống tiền và danh mục tài khoản cũng chưa đủ sinh lợi để có thể có thể cơ cấu lại danh mục. Thị trường sẽ còn giằng co trong thời gian tới nhưng theo chiều hướng lạc quan nhiều hơn. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và tận dụng cái nhịp điều chỉnh để tích lũy thêm. Các nhóm ngành phân đạm, bán lẻ, chứng khoán, thép, logistics tiếp tục ưu tiên nắm giữ.

Thép: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI, LCG

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
LCG	18.5	(4.1)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	2.8%
DPR	68.8	1.2	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	2.7%
IDC	52.0	2.8	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	4.0%
REE	65.2	(2.7)	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	27.8%
GVR	35.9	(3.5)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	22.1%
HCM	52.0	(5.6)	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	15.6%
VCI	59.5	(5.9)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	21.4%
SSI	40.7	(3.0)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	23.3%
MBB	27.9	(0.2)	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-3.8%
OCB	23.9	(1.6)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	3.9%
HPG	52.9	3.7	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	17.6%
KBC	43.5	(2.4)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	11.5%
DGW	118.7	1.9	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	137.4%
MWG	127.8	(3.2)	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	50.4%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PNJ	5.79
DTA	6.21
EVG	6.58
TDH	6.64
MCG	6.78
DCM	6.87
HVX	6.94
BTP	6.97
TMS	6.98
PXT	14.58

Top tăng giá HNX

VIG	9.64
SMT	9.79
NBP	9.85
BII	9.88
VE4	9.88
CSC	9.89
SDA	9.91
VE9	13.33
KHB	13.64

NVL - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Novaland – Đã công bố nghị quyết về việc góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Khánh An. Trong đó, giá trị góp vốn tối đa 1.000 tỷ đồng, tương đương chiếm 57,877% vốn điều lệ Khánh An. Chiều ngược lại, HĐQT NVL cũng thông qua việc chuyển nhượng 4,55 triệu cổ phần Khách sạn Du lịch Thanh niên Vũng Tàu.

BNA - CTCP Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc - Bánh kẹo Bảo Ngọc sẽ phát hành 1,6 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận về 20 cổ phiếu mới. Giá trị phát hành theo mệnh giá 16 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo số liệu trên BCTC hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán.

TDH - CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức – Đã thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ hơn 12,91 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Phát triển Nhà Daewon – Thủ Đức, tương ứng tỷ lệ 40%, với giá trị 81,6 tỷ đồng.

SRC - CTCP Cao su Sao Vàng - Ngày 07/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 08/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/10/2021.

DLG - CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai – Đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ tại hai công ty con là CTCP Năng lượng Tân Thượng và tại CTCP Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Đức Long Gia Lai.

BMJ – CTCP Khoáng sản miền Đông AHP - Đã thông qua quyết định chi 216,6 tỷ đồng để mua cổ phần một doanh nghiệp bất động sản và nhận quyền sử dụng lô đất tại xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đơn vị dự kiến mua 225.000 cổ phiếu đến 265.000 cổ phiếu với giá mua dự kiến 550.000 đồng đến 650.000 đồng/cp.

DMC – Đã thông qua 26/10 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền theo tỷ lệ 25% (1 cổ phiếu nhận 2.500 đồng). Với hơn 34,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự kiến chi gần 87 tỷ đồng để trả cổ tức. Thời gian thực hiện dự kiến là 10/12.

VIC - Tập đoàn VINGROUP - CTCP - CTCP Vinpearl (VPL) đã chào bán thành công 425 triệu USD trái phiếu bền vững có quyền chọn nhận cổ phiếu của VIC với thời gian đáo hạn vào năm 2026, lãi suất 3.25%/năm.

BBC - CTCP Bibica – Đã thông qua việc mua lại toàn bộ 30 triệu cổ phần tại CTCP Chế biến thực phẩm PAN, tương ứng tỷ lệ 100%/vốn với giá mua dự kiến 10.000 đồng/cổ phần.

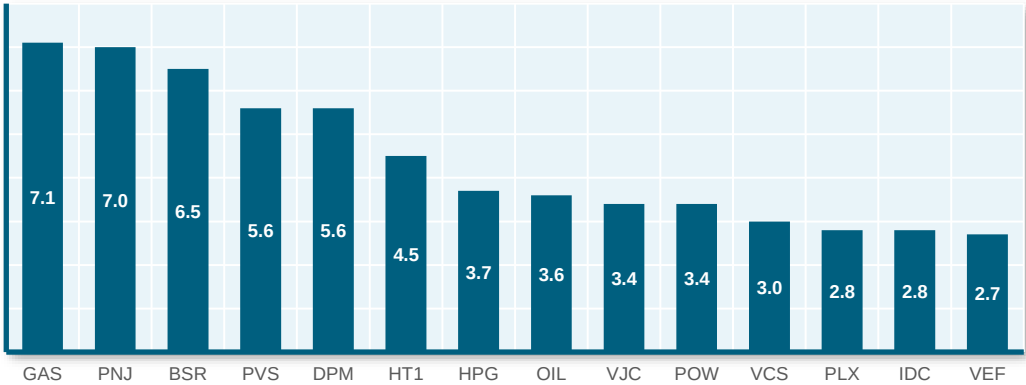


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	65.9	6,847,300	13.0	2.7	-	500	161,900	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	35.4	2,048,800	6.3	2.6	2,100	200	54,904	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.2	1,199,900	17.6	3.4	150,800	950,000	360,503	23.58	5,532	28,293
VBB	HNX	17.0	28,795	20.5	1.5	-	-	8,121	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.2	341,223	14.4	1.3	-	-	7,653	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	41.6	6,327,900	9.1	2.2	-	-	44,582	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.6	5,275,100	10.7	2.1	-	-	173,843	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	25.7	10,103,000	13.4	1.5	606,400	145,500	48,450	15.77	1,922	16,846
SSB	HOSE	35.9	2,694,100	20.8	2.9	-	-	48,128	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	26.6	10,300,067	12.2	1.9	60,750	-	51,220	3.97	2,183	14,014
SGB	HNX	17.4	82,210	-	1.4	-	-	5,359	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.1	82,700	31.3	1.7	-	-	6,930	15.00	739	13,529
OCB	HNX	23.9	2,307,100	6.3	1.3	-	-	26,192	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	27.1	455,185	132.2	2.5	12,200	74,400	11,024	8.52	205	10,726
NAB	HOSE	19.7	175,198	5.9	1.2	-	-	8,992	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	29.3	3,480,100	8.9	1.7	1,200	-	34,428	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	27.9	6,644,600	7.2	1.4	895,700	1,428,300	105,226	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.7	2,708,800	8.4	1.5	39,000	20,700	26,058	3.61	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.3	1,165,863	11.0	1.6	-	-	7,134	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.4	2,452,100	6.6	1.5	326,300	1,892,800	40,865	18.40	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.6	122,600	27.0	1.7	5,600	11,800	29,158	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	30.4	6,717,000	6.9	1.2	2,044,600	1,167,600	146,095	24.64	4,394	25,028
BVB	HOSE	20.9	2,173,774	18.1	1.6	-	-	7,672	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	39.5	1,097,300	15.7	1.9	10,300	410,100	158,669	16.65	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.0	45,945	23.2	1.8	-	-	15,587	-	950	12,242
ACB	HOSE	31.6	4,394,800	6.8	2.1	-	-	85,246	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.1	1,064,206	7.5	1.3	-	-	12,055	30.00	2,801	16,671
80,335,666				17.72	1.83	4,154,950	6,101,900	1,685,993		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	40,100	13,217,816	26,357,935	2,647.4	15.1	2.26	17,724
VCI	UPCOM	59,600	5,599,614	19,846,800	3,445.7	17.3	2.01	29,655
HCM	HNX	52,600	5,777,023	16,089,407	3,099.8	17.0	3.37	15,612
VND	UPCOM	50,800	9,208,346	22,095,190	6,320.1	8.0	2.43	20,939
SHS	UPCOM	36,200	6,401,726	7,503,109	5,431.3	6.7	2.02	17,951
MBS	UPCOM	32,600	3,155,813	8,723,791	1,470.3	22.2	2.48	13,147
FTS	HOSE	56,900	868,200	8,278,557	3,583.0	15.9	3.21	17,751
VIX	HNX	17,700	4,224,466	2,260,626	5,549.5	3.2	1.09	16,190
AGR	HOSE	16,300	3,279,518	3,455,600	1,000.6	16.3	1.67	9,775
BSI	UPCOM	26,900	1,386,756	3,283,685	2,231.6	12.1	2.12	12,711
ORS	HNX	26,400	1,880,229	5,280,000	1,944.6	13.6	2.50	10,574
VDS	HOSE	31,700	1,176,718	3,331,818	3,856.6	8.2	2.46	12,884
CTS	HOSE	27,000	1,721,673	2,873,788	2,676.3	10.1	1.94	13,885
TVS	HOSE	33,300	141,207	3,271,231	5,036.9	6.6	2.24	14,852
BVS	UPCOM	32,200	876,375	2,324,845	3,242.7	9.9	1.20	26,909
EVS	HOSE	30,800	364,825	1,940,412	3,859.6	8.0	2.17	14,167
SBS	HOSE	14,500	3,968,296	1,836,570	79.4	182.7	8.83	1,643
PHS	HOSE	18,100	1,759	2,533,991	979.4	18.5	1.60	11,291
TVB	HOSE	21,400	1,349,023	2,278,375	2,793.8	7.7	1.84	11,645
ART	HNX	9,700	4,563,349	940,148	31.6	306.8	0.85	11,459
TCI	UPCOM	18,800	504,567	930,600	2,671.6	7.0	1.54	12,235
IVS	UPCOM	11,500	156,247	797,525	411.7	27.9	1.17	9,862
BMS	UPCOM	21,700	417,381	1,236,900	4,097.6	5.3	1.67	12,977
APS	HOSE	21,100	2,618,379	822,900	2,387.2	8.8	1.90	11,126
PSI	UPCOM	12,800	491,279	765,969	300.3	42.6	1.22	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DNA	UPCoM	8/10/2021	11/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	MSB	HOSE	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	TV4	HNX	6/10/2021	7/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TKA	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SC5	HOSE	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	HD8	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SZE	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNZ	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SVT	HOSE	1/10/2021	4/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DND	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DNT	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	THW	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 590 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POW	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	4/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PVO	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NT2	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	28/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	FOX	UPCoM	29/09/2021	30/09/2021	21/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	DBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	23/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	GLW	UPCoM	28/09/2021	29/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931